

Số: 1974/GPMT-UBND

Hưng Yên, ngày 28 tháng 11 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Trường Đại học Mở Hà Nội số 4066/ĐHM ngày 19 tháng 11 năm 2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 493/TTr-SNNMT ngày 21 tháng 11 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp giấy phép cho Trường Đại học Mở Hà Nội, địa chỉ: Nhà B101, phố Nguyễn Hiền, phường Bạch Mai, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Xây dựng cơ sở Trường Đại học Mở Hà Nội, tại xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên (nay là xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên dự án: Xây dựng cơ sở Trường Đại học Mở Hà Nội, tại xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên (nay là xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên).

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên.

1.3. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 26/QĐ-UBND cấp lần đầu ngày 20/5/2015, điều chỉnh lần thứ nhất ngày 06/02/2024 của UBND tỉnh Hưng Yên.

1.4. Mã số thuế: 0102063129.

1.5. Loại hình dự án: Dự án thuộc lĩnh vực giáo dục.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Diện tích: 53.558,5 m².

- Dự án đầu tư nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

- Quy mô công suất: Đào tạo chính quy tập trung đại học, sau đại học: 17.000 sinh viên/năm; đào tạo từ xa, vừa làm vừa học hệ cử nhân, kỹ sư: 40.000 sinh viên/năm; đào tạo bồi dưỡng chứng chỉ ngắn hạn: 20.000 người học/năm; cung cấp chỗ ở ký túc xá cho khoảng: 5.000 sinh viên, chuyên gia/năm.

2. Nội dung cấp giấy phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu về bảo vệ môi trường khác quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Trường Đại học Mở Hà Nội có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Giấy phép có hiệu lực kể từ ngày ký.

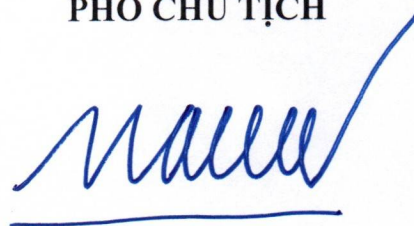
Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm kể từ ngày cấp giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./. 

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND xã Nghĩa Trụ;
- Trung tâm PVHCC và KSTTHC (trả kết quả);
- Lưu: VT, KT2^{Tr}. 

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hùng Nam

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1974/GPMT-UBND ngày 28/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

Có 04 nguồn:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh của dự án;
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà bếp của dự án;
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ hoạt động tắm, giặt;
- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ phòng thí nghiệm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Kênh tiêu KT2 thuộc địa bàn xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả nước thải: 01 vị trí tại xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên.
- Toạ độ vị trí xả nước thải (theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): X(m): 2316540.81; Y(m): 546192.73.

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 800 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả thải: Tự chảy, xả mặt, xả ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCDP 02:2019/HY ($K_q = 0,9$; $K_f = 1$; $K_{hy} = 0,85$) - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép QCDP 02:2019/HY ($K_q = 0,9$; $K_f = 1$; $K_{hy} = 0,85$)	Tần suất quan trắc môi trường định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	pH	-	6-9		
3	BOD ₅	mg/l	22,95		
4	COD	mg/l	57,375		
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	38,25		

6	Tổng N	mg/l	18		
7	Tổng P	mg/l	3,6		
8	Độ màu	Pt/Co	50		
9	Cu	mg/l	1,8		
10	Zn	mg/l	2,7		
11	Fe	mg/l	0,9		
12	Amoni (NH ₄ ⁺)	mg/l	4,5		
13	Tổng Phenol	mg/l	0,09		
14	Sunfua	mg/l	0,18		
15	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	450		
16	Clo dư	mg/l	0,9		
17	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,5		
18	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ qua 16 bể tự hoại (gồm 06 bể có tổng thể tích là 108 m³ tại nhà học; 01 bể có thể tích 30 m³ tại Nhà hiệu bộ; 01 bể có thể tích 60 m³ tại Nhà thí nghiệm thực hành; 02 bể có tổng thể tích 12 m³ tại nhà Hội trường; 02 bể có tổng thể tích 12 m³ tại Nhà thể chất + Giáo dục quốc phòng và 04 bể có tổng thể tích 360 m³ tại nhà Ký túc xá và nhà Dịch vụ) sau đó nước thải được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 800 m³/ngày đêm bằng đường ống uPVC- D400 có tổng chiều dài khoảng 600m.

- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ nhà bếp được thu gom về 02 bể tách dầu mỡ thể tích 30 m³/bể sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 800 m³/ngày đêm bằng đường ống uPVC- D400 và D400 có tổng chiều dài khoảng 228m.

- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ quá trình tắm giặt của sinh viên, học viên tại 02 khu ký túc xá được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 800 m³/ngày đêm bằng đường ống uPVC- D300 có tổng chiều dài khoảng 300m.

- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ phòng thí nghiệm được dẫn về hệ thống xử lý tập trung công suất 800 m³/ngày đêm bằng đường ống uPVC- D300 có tổng chiều dài khoảng 6m.

- Nước thải sau xử lý đạt QCDP 02:2019/HY ($K_q=0,9$; $K_f=1$; $K_{hy}=0,85$)- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp, nước thải sẽ tự chảy vào nguồn tiếp nhận nước thải của dự án là Kênh tiêu KT2 thuộc địa bàn xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên bằng đường ống nhựa uPVC- D400 với chiều dài khoảng 136m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể gom → Bể điều hòa → Bể kỵ khí → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể tuần hoàn → Bể lắng sinh học → Bể trung gian + Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Nước thải đạt QCDP 02:2019/HY ($K_q=0,9$; $K_f=1$; $K_{hy}=0,85$) - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp sau đó thải ra nguồn tiếp nhận nước thải.

- Công suất thiết kế: 800 m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: NaClO.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Theo quy định tại điểm b Khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: nước thải đầu vào và nước thải đầu ra của hệ thống xử lý tập trung có công suất 800 m³/ngày đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Giám sát các thông số bao gồm: Lưu lượng; pH, BOD₅, COD, TSS, Tổng N, Tổng P, Độ màu, Cu, Zn, Fe, Amoni, Tổng Phenol, Sunfua, Clorua (Cl⁻), Clo dư, Tổng dầu mỡ khoáng, Tổng Coliforms.

- Quy chuẩn so sánh: QCDP 02:2019/HY ($K_q=0,9$; $K_f=1$; $K_{hy}=0,85$) - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm nêu tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải sau xử lý. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải sau xử lý phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Có công tơ điện độc lập, đồng hồ đo lưu lượng đầu ra, nhật ký vận hành thử nghiệm, vận hành chính thức xử lý (ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng Tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm).

3.5. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

3.6. Trường Đại học Mở Hà Nội chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép môi trường này ra ngoài môi trường. 

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1974/GPMT-UBND ngày 28/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

Có 02 nguồn:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh tại các tủ hood của phòng thí nghiệm (hóa học, hóa lý, vi sinh, kỹ thuật gen-protein);
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh tại các chụp hút của máy hàn nhiệt và máy cắt laze của phòng thí nghiệm điện- điện tử.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

- Vị trí xả khí thải: Ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi, khí thải tại nhà thí nghiệm thực hành (15 tầng) của dự án tại xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên;
- Tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°): X(m): 2316557.692; Y(m): 546317.045.
- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 24.000 m³/giờ.
- Phương thức xả khí thải: Cường bức.
- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc môi trường định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Bụi	mg/Nm ³	≤80		
3	NH ₃	mg/Nm ³	≤20		
4	HCl	mg/Nm ³	≤15		
5	H ₂ SO ₄	mg/Nm ³	≤20		
6	Xylen	mg/Nm ³	≤120		
7	HCHO	mg/Nm ³	≤15		
8	CH ₃ OH (cồn)	mg/Nm ³	≤150		
9	Phenol	mg/Nm ³	≤15		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh tại các tủ hood của phòng thí nghiệm (hóa học, hóa lý, vi sinh, kỹ thuật gen-protein) và bụi, khí thải phát sinh tại các chụp hút của máy hàn nhiệt và máy cắt laze của phòng thí nghiệm điện- điện tử được thu gom, xử lý qua màng lọc (sử dụng than hoạt tính) sau đó được thải ra ngoài môi trường qua ống thoát khí bằng inox có chiều cao 5m, đường kính 0,5m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

Hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → Màng lọc (than hoạt tính) → Quạt hút → Ống thoát khí thải → Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- Công suất thiết kế: 24.000 m³/giờ.

- Hóa chất sử dụng: than hoạt tính.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Theo quy định tại điểm b Khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý bụi, khí thải.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ các phòng thí nghiệm tại dự án.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Giám sát các thông số bao gồm: Lưu lượng; Bụi; NH₃; HCl; H₂SO₄; Xylen; HCHO; CH₃OH (cồn) và Phenol.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2024/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT/BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm tại mục 2 Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Trường Đại học Mở Hà Nội có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31

Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

3.4. Trường Đại học Mở Hà Nội chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu xả thải khí thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép môi trường này ra ngoài môi trường. 

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1974 /GPMT-UBND ngày 28/11/2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

Có 02 nguồn:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ phương tiện giao thông;
- Nguồn số 02: Tiếng ồn phát sinh từ máy bơm của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

STT	QCVN 26:2025/BNNMT			Ghi chú
	Ngày Từ 6- trước 18 giờ (dBA)	Tối Từ 18- trước 22 giờ dBA)	Đêm Từ 22- trước 06 giờ dBA)	
1	50	45	40	Khu vực A

2.2. Độ rung

STT	QCVN 27:2025/BNNMT		Ghi chú
	Ngày Từ 6- trước 22 giờ (dBA)	Đêm Từ 22- trước 06 giờ dBA)	
1	60	55	Khu vực A

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Hạn chế bóp còi của các phương tiện giao thông trong khuôn viên dự án;
- Bảo dưỡng thay thế phụ tùng thiết bị đúng quy trình của nhà cung cấp.
- Bố trí khu vực xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung riêng biệt.

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn; nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị phụ trợ (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định. 2

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1974/GPMT-UBND ngày 28/11 /2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

TT	Chất thải	Trạng thái tồn tại	Lượng thải (kg/năm)	Mã chất thải
1	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng nguy hại)	Rắn	200	16 01 13
2	Chất thải từ phòng y tế (Bông, băng, gạc đã sử dụng)	Rắn	5	13 01 01
3	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	80	12 01 04
	Tổng		285	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh

TT	Thành phần	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn nạo vét từ bể tự hoại và hệ thống thu gom, thoát nước mưa	5.000
	Tổng	5.000

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 2.038,5 tấn/năm.**1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát**

TT	Chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	50	08 02 04
2	Vật liệu lọc, giẻ lau dính chất thải nguy hại từ phòng thí nghiệm	100	18 02 01
3	Bao bì cứng thải bằng nhựa dính thành phần nguy hại	50	18 01 03

4	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác	100	18 01 04
5	Bùn thải có thành phần nguy hại từ hệ thống xử lý nước thải tập trung	5.000	12 06 05
Tổng		5.300	

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Kho chứa có diện tích 10 m². Kết cấu lợp mái tôn mạ, có tường bao quanh kín, nền bê tông chống thấm, có rãnh và hố thu CTNH dạng lồng. Trong kho bố trí xẻng, cát và các trang thiết bị đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. CTNH được lưu chứa trong các thùng có nắp đậy, các bao bì.

- Đối với bùn thải phát sinh từ quá trình xử lý nước thải được thu gom về 01 bể chứa bùn có thể tích khoảng 19,92 m³ làm vật liệu bê tông cốt thép và lưu giữ trong khu vực của hệ thống xử lý nước thải tập trung có diện tích khoảng 145 m² có kết cấu mái lợp tôn, tường xây gạch trát vữa xi măng, nền bê tông có bố trí rãnh thu gom nước rỉ từ bùn.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Diện tích 10 m². Kho lợp mái tôn, nền xi măng, tường bao xung quanh, có biển báo và bên trong chứa các thùng đựng để chứa các loại chất thải thông thường khác nhau.

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với khối lượng, phân loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố

môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. 

Phụ lục 5**YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÁC**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1914 /GPMT-UBND ngày 28 /11/2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thường xuyên rà soát quy trình, bảo dưỡng máy móc, thiết bị, vận hành hiệu quả các công trình bảo vệ môi trường đảm bảo vận hành hiệu quả, an toàn vệ sinh môi trường.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư, an toàn hóa chất, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy.

3. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

4. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

5. Giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp phân loại rác, giảm thiểu và tái sử dụng tại nguồn. Nước thải được quản lý để tiết kiệm, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

7. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./. 21